

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/DS-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tường

- Ông Trịnh Xuân Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 22/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐ-HPT ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: 272/2 ấp AH, xã A, tỉnh Vĩnh Long (*Địa chỉ cũ: 272/2 ấp AH, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre*). Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: 46/2 ấp GB, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (*Địa chỉ cũ: 46/2 ấp GB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre*). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 30/8/2024 âm lịch, bà T có vay bà L số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), để đáo hạn ngân hàng, phục vụ kinh tế gia đình và có hứa là sau 1 tháng sẽ trả đủ cho bà L, có lập một biên nhận và bà T có ký tên xác nhận vào biên nhận. Nhưng cho đến nay bà T không có trả tiền đúng như các bên thoả thuận, mặc dù bà L đã nhiều lần đến nhà yêu cầu gia đình bà T trả nợ nhưng vẫn không trả nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng. Bà L yêu cầu tính lãi số tiền 500.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30/8/2024 x 0,83% x 7 tháng 17 ngày = 31.401.000đ (ba mươi một triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng).

Sau đó bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Bị đơn Đặng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đặng Thị T vắng mặt không lý do, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1982 hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: 46/2 ấp GB, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (*Địa chỉ cũ: 46/2 ấp GB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre*) do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng vay tài sản là giấy tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ngày 30/8/2024 giữa bà Lê Thị L và bà Đặng Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc

bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Đặng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó tài liệu là Bản chính Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 do nguyên đơn cung cấp được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đặng Thị T đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ do việc bà Lê Thị L yêu cầu bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 30/5/2025 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án là ngày 21/8/2025 với lãi suất 0,83% tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L được tính như sau: 500.000.000 đồng + (500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 21 ngày) = 511.205.000 đồng.

[6] Bà Đặng Thị T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% x (511.205.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 24.448.200 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L : Buộc bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền 511.205.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% x (511.205.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 24.448.200 đồng.

Bà Lê Thị L được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.628.000 đồng theo biên lai thu số 0012313 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Vĩnh Long).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- VKSND Khu Vực 9- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Khoa-Huỳnh Ngọc Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót

Nguyễn Thị Vân

